Người ký: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
Thời gian ký: 08.09.2023 09:27:38 +07:00

UBND HUYỆN CẦN GIỜ **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2093/KH-GDĐT	*Cần Giờ, ngày 08 tháng 9 năm 2023.*

KẾ HOẠCH

Về thẩm tra bổ sung dự toán đợt cuối năm 2023 và thẩm tra dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân huyện về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính sự nghiệp huyện năm 2023;

Căn cứ theo số kinh phí dự phòng (nguồn 075) do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ quản lý trực tiếp tại KBNN huyện Cần Giờ;

Căn cứ vào tình hình thực tế của các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ vào kế hoạch thẩm tra bổ sung kinh phí đợt cuối năm 2023 và kế hoạch thẩm tra dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024. Nhằm giúp cho các đơn vị trực thuộc có đủ kinh phí để chi trả lương cho CB-GV-NV được kịp thời. Đồng thời, để có cơ sở và số liệu tổng hợp phối hợp với phòng TC-KH huyện Cần Giờ trình Thường trực UBND huyện Cần Giờ giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước đợt cuối năm 2023 và dự toán thu, chi NSNN năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đề nghị các đơn vị trực thuộc thực hiện kế hoạch thẩm tra kinh phí, cụ thể như sau:

I. THẨM TRA BỔ SUNG DỰ TOÁN ĐỢT CUỐI NĂM 2023, BIỂU MẪU BÁO CÁO SẮP XẾP THEO THỨ TỰ NHƯ SAU:

1. Báo cáo số liệu thực hiện biên chế và tiền lương năm 2023.

2. Đính kèm bảng photocopy, gồm:

- Bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương; từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2023 (kèm giấy rút dự toán ngân sách)

- Bảng truy lãnh lương và các khoản phụ cấp theo lương từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2023 (nếu có)

- Danh sách trợ cấp ngành, y tế từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2023 và dự kiến từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2023

- Dự kiến bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2023

+ Nếu từ tháng 11->12/2023 có tăng, giảm: kèm Quyết định điều động tăng, giảm; quyết định nghỉ việc, nghỉ hưu (kèm giấy thôi trả lương và danh sách cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và hợp đồng tăng, giảm).

+ Chế độ nghỉ thai sản (kèm đơn nghỉ thai sản được duyệt của thủ trưởng đơn vị)

- Dự kiến bảng truy lãnh lương và các khoản phụ cấp theo lương từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2023 (nếu có truy lãnh lương và các khoản phụ cấp theo lương kèm Quyết định tăng, giảm do nâng: lương; PCCV; PCKV; PCTN; PCVK; PCTN nhà giáo; PC ưu đãi)

- Quyết định và danh sách nhận tiền bồi dưỡng giáo viên dạy thể dục thể thao.

- Bảng chi tiết từng tháng và bảng tổng hợp chiết tính học kỳ I, II năm học 2022-2023 (kèm giấy rút dự toán ngân sách)

- Danh sách nhận tiền hỗ trợ y tế học đường khối Tiểu học và THCS khi có tăng giảm trong năm (kèm giấy rút dự toán ngân sách)

- Quyết định và danh sách nhận tiền khen thưởng lao động tiên tiến NH 2022-2023 (kèm quyết định CSTĐ cấp cơ sở - kèm giấy rút dự toán ngân sách)

- Danh sách nhận hỗ trợ CBGV khối MN theo Nghị quyết 01 và Nghị quyết 04 (kèm giấy rút dự toán ngân sách)

-Hợp đồng và danh sách nhận hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng theo Nghị quyết 04 (kèm giấy rút dự toán ngân sách)

- Danh sách nhận tiền và văn bản phê duyệt chủ trương thuê hợp đồng khoán, hợp đồng thỉnh giảng, bảo vệ, phục vụ (kèm giấy rút dự toán ngân sách).

- Chứng từ và văn bản phê duyệt chuẩn Quốc gia, kiểm định chất lượng, thuê xe tuyển sinh vào lớp 10, chứng từ phục vụ công tác tuyển sinh (kèm giấy rút dự toán ngân sách).

- Chứng từ ôn thi lại, ôn thi học sinh giỏi.

- **Ghi chú:**

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ tiếp nhận hồ sơ và tổng hợp theo số liệu báo cáo của đơn vị. Các đơn vị phải chuẩn bị hồ sơ minh chứng theo số liệu báo cáo để duyệt dự toán bổ sung đợt cuối năm 2023. Khi được cấp có thẩm quyền kiểm tra nếu phát hiện số liệu có sai sót thì đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm (nếu báo cáo số liệu thừa thì sẽ bị thu hồi nộp ngân sách bằng cách cấn trừ vào dự toán NSNN năm sau, còn nếu báo cáo số liệu thiếu thì đơn vị tự chịu trách nhiệm).

Trường sắp xếp theo thứ tự từng tháng

VD: Tháng 01: Giấy rút ngân sách, Bảng lương tháng 01, bảng danh sách truy lãnh (nếu có), trợ cấp Ngành tháng 01, ...

Tháng 02: Giấy rút ngân sách, Bảng lương tháng 02, bãng danh sách truy lãnh (nếu có), trợ cấp Ngành tháng 02, ...

II. THẨM TRA DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024, BIỂU MẪU BÁO CÁO SẮP XẾP THEO THỨ TỰ NHƯ SAU:

1. Dự toán thu, chi NSNN năm 2024.

2. Dự toán thu, chi phí, lệ phí và hoạt động dịch vụ năm 2024.

3. Dự toán chi NSNN năm 2024.

4. Dự toán thu - chi nguồn khác năm 2024.

5. Bảng thanh toán lương tháng 10 năm 2023.

6. Danh sách nhận tiền NQ01/2014/NQ-HĐND tháng 10 năm 2023

7. Danh sách nhận tiền hỗ trợ CBGV khối MN (NQ04/2017/NQ-HDND - tính chất công việc tháng 10 năm 2023

8. Danh sách nhận tiền hỗ trợ CBGV khối MN (NQ04/2017/NQ-HDND - trình độ chuyên môn tháng 10 năm 2023

9. Danh sách nhận tiền Hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng (NQ04/2017/NQ-HDND)

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN: từ ngày 10/10/2023 đến ngày 25/10/2023
(Chi tiết theo lịch đính kèm)

Đơn vị nộp mỗi thứ 2 bộ bằng văn bản và gửi qua email:

anhtuyet24597@gmail.com

IV. THÀNH PHẦN THAM DỰ: Kế toán

V. THỜI GIAN: Buổi sáng từ 8 giờ 30 phút; buổi chiều từ 14 giờ 15 phút.

VI. ĐỊA ĐIỂM: Phòng tài vụ Phòng GD-ĐT huyện Cần Giờ

Trên đây là kế hoạch thẩm tra bổ sung dự toán đợt cuối năm 2023 và thẩm tra dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đề nghị Hiệu trưởng các trường chỉ đạo bộ phận nghiệp vụ nghiêm túc thực hiện đúng thời gian. Mọi chậm trễ đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn đề nghị các đơn vị liên hệ trực tiếp chuyên quản của bộ phận kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ để được hướng dẫn thêm ./

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Võ Thị Diễm Phượng

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng trường Mầm non, Tiểu học THCS, Chuyên biệt Cần Thạnh, Bồi dưỡng Giáo dục;
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ;
- Bộ phận tài vụ;
- Lưu VT,

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

TRƯỜNG.....

BÁO CÁO SỐ LIỆU THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ TIỀN LƯƠNG NĂM 2023

Mục TM	DIỄN GIẢI	ĐVT	tháng 1	tháng 2	tháng 3	tháng 4	tháng 5	tháng 6	tháng 7	tháng 8	tháng 9	tháng 10	tháng 11	tháng 12	Tổng cộng	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	**Biên chế**	**Người**														
I	**Biên chế được giao**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	+ Số giáo viên														**0**	
	+ Cán bộ quản lý														**0**	
	+CB nhân viên khác														**0**	
II	**Biên chế thực hiện bình quân**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,00**	
	+ Số giáo viên														**0,00**	
	+ Cán bộ quản lý														**0,00**	
	+CB nhân viên khác														**0**	
	Trong đó: Biên chế, hợp đồng nghĩ hưởng chế độ bảo hiểm														**0,00**	
III	**Biên chế chưa sử dụng, trong đó**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,00**	
	+ Số giáo viên														**0,00**	
	+ Cán bộ quản lý														**0,00**	
	+CB nhân viên khác														**0**	
IV	**Lương cơ sở**	**Ngàn đồng**	1490	1490	1490	1490	1490	1490	1490	1490	1490	1490	1490	1490		
B	**Hợp đồng khoán bảo vệ, phục vụ, bảo mẫu, nấu ăn (theo quyết định)**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,00**	
	+ Phục vụ														**0,00**	
	+ Bảo vệ														**0,00**	
	+ Nấu ăn														**0,00**	**Học sinh bán trú:** **NH 2022-2023:** **NH 2023-2024:**
C	**Hệ số lương Biên chế, hợp đồng bq/ tháng (bao gồm cả HSL truy lãnh)**		**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	
1	**Hệ số lương (bao gồm cả HSL truy lãnh)**		**0**	**0**	**0,00**	**0,00**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,000**	

Mục TM	DIỄN GIẢI	ĐVT	tháng 1	tháng 2	tháng 3	tháng 4	tháng 5	tháng 6	tháng 7	tháng 8	tháng 9	tháng 10	tháng 11	tháng 12	Tổng cộng	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	- HSL giáo viên														0,000	
	- HSL Cán bộ quản lý														0,000	
	- HSL CB nhân viên khác														0,000	
2	**Tổng hệ số P/C (bao gồm cả P/C truy lãnh)**		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	Phụ cấp chức vụ														0,000	
	Phụ cấp khu vực														0,000	
	Phụ cấp trách nhiệm														0,000	
	Phụ cấp vượt khung														0,000	
	Phụ cấp Thâm niên nhà giáo														0,000	
	Phụ cấp Ưu đãi														0,000	
3	**Hệ số BHXH 23,5% - phần lương +PC**		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- BHXH (17.5%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- BHYT (3%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- BHTN (1%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- KPCD (2%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
4	**Hệ số BHXH 23,5% - phần phụ cấp thâm niên**		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- BHXH (17.5%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- BHYT (3%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- BHTN (1%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	- KPCD (2%)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
D	**Tiền lương**	Ngàn đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6000	**Lương chính (6001+6003)**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6100	**Phụ cấp**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6300	**BHXH - phần lương +PC**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6300	**BHXH - phần phụ cấp thâm niên**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6449	**T/C Ngành (ko tính biên chế chưa tuyển)**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
E	**Các nội dung khác**	Ngàn đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Mục TM	DIỄN GIẢI	ĐVT	tháng 1	tháng 2	tháng 3	tháng 4	tháng 5	tháng 6	tháng 7	tháng 8	tháng 9	tháng 10	tháng 11	tháng 12	Tổng cộng	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	**Kp hỗ trợ công việc đối tượng bảo vệ, phục vụ**														0	
2	**Kp hỗ trợ công việc đối tượng nấu ăn**														0	
3	**Kp hỗ trợ biên chế, hợp đồng nghĩ hưởng chế độ BH**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	**Kp hỗ trợ hợp đồng khoán, thỉnh giảng do thiếu biên chế**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	**Làm thêm giờ - khối MN (6106)**														0	
6	**Giáo viên dạy lớp ghép**														0	
7	**Bồi dưỡng giáo viên TDTT (6125)**														0	
8	**TC TP GV xã TA (6449)**														0	
9	**Hỗ trợ y tế trường học (QĐ 06/QĐ-UBND) (6449)**														0	
10	**Hỗ trợ CBGV khối MN (NQ01/2014/NQ-HDND) (6125)**														0	
11	**Hỗ trợ GVMN mới ra trường (NQ01/2014/NQ-HDND) (6449)**														0	
12	**Hỗ trợ CBGV khối MN (NQ04/2017/NQ-HDND -tính chất công việc 650.000) (6449)**														0	
13	**Hỗ trợ CBGV khối MN (NQ04/2017/NQ-HDND -trình độ chuyên môn :ĐH: 900.000; CĐ 550.000) (6449)**														0	
14	**Hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng (theo NQ04/2017/NQ-HDND)**														0	
15	**Khen Thưởng (6201)**														0	
12	**Hoạt động khác**		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	+ Chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng														0	
	+ Thuê xe cho học sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10														0	
	+ Kinh phí ôn thi tuyển sinh 10														0	
	+ Kinh phí ôn thi lại														0	
	+ kinh phí ôn thi HSG cấp TP														0	
	+ kinh phí ôn thi HSG cấp huyện														0	

Mục TM	DIỄN GIẢI	ĐVT	tháng 1	tháng 2	tháng 3	tháng 4	tháng 5	tháng 6	tháng 7	tháng 8	tháng 9	tháng 10	tháng 11	tháng 12	Tổng cộng	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	+ Kinh phí phục vụ công tác tuyển sinh 10														0	
	+Kinh phí giáo dục phổ thông đại trà														0	
	……														0	
	……														0	
12	**Cấn trừ năm trước**														0	
13	**Chi từ nguồn CCTL, trong đó:**														0	
	+ Chi từ nguồn CCTL (Mã nguồn 14)														0	
	+ Chi từ nguồn CCTL (Nguồn thu SN)														0	
															0	

Ghi chú:

* Biên chế thực hiện bình quân: lấy bảng lương hàng tháng nhập vào

* Không sửa mẫu và công thức

*** In 1 mặt**

……, Ngày …… Tháng…… năm 2023

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Tên đơn vị:

Biểu kèm theo phụ lục số 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Năm trước liền kề		Năm đầu giai đoạn ổn định	Ghi chú
		Dự toán	Ước TH		
A	**Tổng số**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Biên chế				
	Tập sự				
	Hợp đồng				
	Số liệu cơ bản:	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Số giáo viên				
	- Cán bộ quản lý				
	- CB nhân viên khác				
	HS lương tháng 10	**0**	**0**	**0**	**0**
	- HSL giáo viên				
	- HSL Cán bộ quản lý				
	- HSL CB nhân viên khác				
	Trình độ chuyên môn giáo viên Mầm non				
	+ Thạc sỹ				
	+ Đại học				
	+ Cao đẳng				
B	**Khung trường**				
	Số điểm dạy				
	Số lớp				
	Số học sinh				
C	**Số nhân viên y tế trường học**				
	Chia ra:				
	- Mầm non				
	- Tiểu học				
	+ Bác sĩ (bác sĩ, cử nhân điều dưỡng, …)				Ghi chú cụ thể là đang hưởng lương ngạch sơ cấp hay trung cấp
	+ Trung cấp (Y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, …)				
	- Trung học cơ sở				
	+ Bác sĩ (bác sĩ, cử nhân điều dưỡng, …)				Ghi chú cụ thể là đang hưởng lương

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Năm trước liền kề		Năm đầu giai đoạn ổn định	Ghi chú
		Dự toán	Ước TH		
	+ Trung cấp (Y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, …)				hưởng lương ngạch sơ cấp hay trung cấp
D	**Thu, chi thường xuyên**				
I	***Thu sự nghiệp (*)***	**0**	**0**	**0**	**0**
1	*Thu viện trợ*	*0*	*0*	*0*	*0*
	- Nguồn Loreto				
2	*Thu hoạt động dịch vụ*	*0*	*0*	*0*	*0*
	- Nguồn học phí công lập				
	- Nguồn căn tin				
	- Nguồn giữ xe				
3	*Thu khác*	*0*	*0*	*0*	*0*
	- Nguồn học hai buổi/ngày				
	- Nguồn tăng cường Tiếng Anh				
	- Nguồn tổ chức học nghề THCS				
	- Nguồn vệ sinh bán trú				
	- Nguồn tin học tự chọn				
	- Nguồn thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú				
	- Nguồn huy động				
	……..				
II	**Chi thường xuyên**	**0**	**0**	**0**	0
1,0	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	0
1,1	**Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao**	**0**	**0**	**0**	0
1.1.1	**Chi cho con người**	**0**	**0**	**0**	0
6000	**Lương**	**0**	**0**	**0**	
6001	Biên chế (HSL biên chế x 1.800 x 12)				
6001	Truy lãnh nâng lương năm 2024 (Tổng hệ số lương x 1.800 x 12 x 0.03)				
6002	Tập sự				
6003	Hợp đồng (HSL hợp đồng x 1.800 x 12)				
6100	**Phụ cấp lương**	**0**	**0**	**0**	
6101	PC chức vụ				
6102	PC khu vực				
6105	PC thêm giờ				

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Năm trước liền kề		Năm đầu giai đoạn ổn định	Ghi chú
		Dự toán	Ước TH		
6107	PC độc hại, nguy hiểm				
6113	PC trách nhiệm				
6116	PC đặc biệt khác của ngành (ưu đãi) (Tổng hệ số PC x 1.800 x 12)				
6116	Truy lãnh nâng PC đặc biệt khác của ngành (ƯĐ) 2024 (Tổng hệ số PC x 1.800 x 12 x 0.01)				
6115	PCTN vượt khung (Tổng hệ số PCVK x 1.800 x 12)				
6125	Bồi dưỡng giáo viên thể dục				
6200	**Tiền thưởng**	**0**	**0**	**0**	
6201	LĐ tiên tiến				
6250	**Phúc lợi tập thể**	**0**	**0**	**0**	
6299	Trợ cấp GV từ nơi khác đến công tác tại xã Thạnh An				
6300	**Các khoản đóng góp**	**0**	**0**	**0**	
6301	BHXH: 17.5%	0	0	0	
6302	BHYT: 3%	0	0	0	
6303	KPCĐ: 2%	0	0	0	
6304	BHTN: 1%	0	0	0	
6400	**Các khoản thanh toán khác cho cá nhân**	**0**	**0**	**0**	
6404	Chi tăng thu nhập				
6449	Trợ cấp ngành				
6449	Trợ cấp địa phương				
1.1.2	**Chi hoạt động (chi tiết tiểu mục giống mục 1.1.1)**	**0**	**0**	**0**	
6500	**Dịch vụ công cộng**				
6550	**Vật tư văn phòng**				
6600	**Thông tin, tuyên truyền liên lạc**				
6700	**Công tác phí**				
6750	**Chi phí thuê mướn**				
7000	**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn**				
7750	**Chi khác**				
1.1.3	**Chi MS, SC TSCĐ (chi tiết tiểu mục giống mục 1.1.1)**	**0**	**0**	**0**	
6900	**SC, chuyên tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn**				
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**				

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Năm trước liền kề		Năm đầu giai đoạn ổn định	Ghi chú
		Dự toán	Ước TH		
7050	**Mua sắm TS vô hình**				
1,2	**Chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp**				
1.2.1	Chi học phí (giống như trên)				
1.2.2	Chi viện trợ (giống như trên)				
1.2.3	Chi căn tin (giống như trên)				
1.2.4	Chi khác (giống như trên)				
2,0	**Kinh phí thực hiện tự chủ (có mục tiêu)**	**0**	**0**	**0**	
2,1	**Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao**	**0**	**0**	**0**	
6100	**PC lương**				
6115	PCTN nhà giáo				
6115	Truy lãnh nâng PCTN nhà giáo năm 2024 (Tổng hệ số PCTN x 1.800 x 12 x 0.05)				
6125	Hỗ trợ NQ01				
6200	**Tiền thưởng**				
6201	Trợ cấp tết TP				
6300	**Các khoản đóng góp**				
6301	BHXH: 17.5%	0	0	0	
6302	BHYT: 3%	0	0	0	
6303	KPCĐ: 2%	0	0	0	
6304	BHTN: 1%	0	0	0	
6400	**Các khoản thanh toán khác cho cá nhân**	**0**	**0**	**0**	
6449	Trợ cấp y tế trường học khối TH, THCS (450.000)				
6449	Hỗ trợ cho giáo viên mầm non do tính chất công việc (650.000)				
6449	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non theo trình độ chuyên môn	0	0	0	
	+ Thạc sỹ (1.500.000 đồng)				
	+ Đại học (900.000 đồng)				
	+ Cao đẳng (550.000 đồng)				
III	***Chênh lệch đề nghị NSNN cấp (I-II)***				
D	**Chi NSNN không thường xuyên**				
1	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ theo dự án được duyệt				

Mục, TM	Nội dung (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Năm trước liền kề		Năm đầu giai đoạn ổn định	Ghi chú
		Dự toán	Ước TH		
2	Chi nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ				
3	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
4	Chi thực hiện các CTMTQG				
5	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng				
6	Chi thực hiện tinh giảm biên chế (nếu có)				
7	Chi ĐTXDCB				
8	Chi đối ứng các dự án				
9	Chi khác (nếu có)				

**** Đối với Hệ số tăng nâng lương; HS tăng nâng PC ưu đãi; HS tăng nâng PCTN nhà giáo đơn vị tính cộng thêm theo thứ tự: 0.03; 0.01; 0.05***

Ví dụ: Tổng hệ số lương cả đơn vị gồm BC, TS, HĐ, NĐ68= 40.19 x 0.03 x 1.800.000 x 12 tháng

* Chi tiết thu phí, lệ phí và thu hoạt động dịch vụ theo phụ lục (2.1) kèm theo

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023

Kế toán	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký tên, ghi họ và tên)	(Ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
Tên đơn vị:

Phụ lục 2.1

DỰ TOÁN THU, CHI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

(Phụ lục kèm theo biểu số 02)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng thu			Nộp NSNN			Được để lại chi		
		Năm trước liền kề 2023		Năm đầu ổn định phân loại 2024	Năm trước liền kề 2023		Năm đầu ổn định phân loại 2024	Năm trước liền kề 2023		Năm đầu ổn định phân loại 2024
		Dự toán	Ước TH		Dự toán	Ước TH		Dự toán	Ước TH	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	**Phí, lệ phí**									
	Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí									
1	+ Phí A									
2	+ Phí B									
II	**Hoạt động dịch vụ**									
	Chi tiết theo từng loại dịch vụ									
1	- Dịch vụ A									
2	- Dịch vụ B									

……., ngày …… tháng …… năm 2023

Kế toán
(Ký tên, ghi họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Đơn vị :

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

CHƯƠNG LOẠI KHOẢN

ĐVT: đồng

Mã nguồn	MỤC	TM	DIỄN GIẢI (chi tiết theo mục, tiểu mục)	Thực hiện 2022	Dự toán 2023	TH 9 tháng 2023	Ước TH 2023	Dự toán 2024	Ghi chú
0113									
			Cộng 0113						
0212									
			Cộng 0212						
			Tổng cộng						

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023

Kế toán

(Ký tên, ghi họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Đơn vị :

DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN KHÁC NĂM 2024

ĐVT: đồng

STT	MỤC	TM	DIỄN GIẢI	Thực hiện 2022	Dự toán 2023	TH 9 tháng 2023	Ước TH 2023	Dự toán 2024	Ghi chú
I			**TỔNG THU**						
1			- Thu						
2			- Thu						
3			- Thu						
II			**TỔNG CHI**						
1			***- Nguồn .....***						
2			***- Nguồn .....***						

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023

Kế toán

(Ký tên, ghi họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên)

ỦY BAN NHÂN ÂN HUYỆN CẦN GIỜ
Tên đơn vị: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 10 NĂM 2023

Đvt: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ (chức danh)	Hệ số theo ngạch bậc										Thành tiền (mức lương 1.800.000 đồng)													Tổng cộng
			Hệ số lương	Hệ số PCCV	Hệ số PCKV	Hệ số PCTN	Hệ số PC ưu đãi	PCTN vượt khung		PCTN nhà giáo		Số tháng	Lương chính	Chức vụ	Khu vực	Trách nhiệm	Ưu đãi	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nhà giáo	Hỗ trợ NQ 01/2014 /NQ-HĐND	Trợ cấp y tế trường học khối TH, THCS (450.000)	Hỗ trợ cho giáo viên mầm non do tính chất công việc (650.000)	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non theo trình độ chuyên môn (Thạc sĩ: 1.500.000; Đại học: 900.000; Cao đẳng: 550.000)	Trợ cấp ngành (700.000)	TC GV từ nơi khác đến xaõ Thaïnh An (theo NQ14/2018/ NQ-HĐND (600.000)	
								Tỷ lệ	Hệ số	Tỷ lệ	Hệ số															
I	Biên chế		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1												12														0
...												12														0
II	Tập sự		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1												12														0
...												12														0
III	Hợp đồng		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1												12														0
...												12														0
	Tổng cộng		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Kế toán
(Ký tên, ghi họ và tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên)

Ghi chú:

- Làm trên khổ giấy A3, không được sai khổ giấy.
- Bảng lương bao gồm cả giáo viên mới có giấy giới thiệu của Phòng Giáo dục.
- Các dòng cộng, tổng cộng và các chỉ tiêu khác trên các cột của mẫu đơn vị phải ghi, tính đầy đủ

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG MẦM NON .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CB-GV-NV HƯỞNG TIỀN HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 01/2014/NQ-HĐND
THÁNG 10/2023
Lương cơ sở 1.800.000 đồng

Đvt: đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	mã ngạch công chức	Lương và phụ cấp				Tỷ lệ hỗ trợ		Hệ số được hưởng		Thành tiền		Ký nhận
				Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp vượt khung	Cộng	25%	35%	25%	35%	25%	35%	
A	B	C	D	1	2	3	4=1+2+3	5	6	7=4x5	8=4*6	9=7x1.490ngđ	10=8*1.490ngđ	8
I. Biên chế														
1		Hiệu trưởng												
...		Phó Hiệu trưởng												
		Giáo viên												
		Thủ quỹ												
II. Tập sự														
1		Giáo viên												
...		Thủ quỹ												
III. Hợp đồng														
1		Giáo viên												
...		Kế toán												
	Tổng cộng													

Ghi chú:

- Tại cột B: Sắp xếp theo thứ tự từ CBQL trước; tới giáo viên; tới nhân viên; tới bảo vệ, phục vụ, cấp dưỡng, bảo mẫu. Khi nhận lương ở Kho bạc cũng sắp xếp giống vậy.
- Các dòng cộng, tổng cộng và các chỉ tiêu khác trên các cột của mẫu đơn vị phải ghi, tính đầy đủ

.....Ngày tháng năm 2023

Kế toán
(Ký tên, họ tên)

Hiệu trưởng
(Ký tên, họ tên, dấu)

LỊCH THẨM TRA BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN ĐỢT CUỐI NĂM 2023 VÀ THẨM TRA DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

(Đính kèm Kế hoạch số ……/KH-GDĐT ngày tháng năm 2023 của Phòng GD - ĐT)

Ngày tháng năm	Thời gian		Đơn vị được thẩm tra	Ghi chú
	Buổi sáng	Buổi chiều		
THỨ HAI 10/10/2023	8 giờ 30		Trường Mầm non Cần thạnh	
	9 giờ 45		Trường Mầm non Thạnh An	
		14 giờ 15	Trường Mầm non Long Hòa	
		15 giờ 30	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	
THỨ BA 11/10/2023	8 giờ 30		Trường Mầm non An Thới Đông	
	9 giờ 45		Trường Mầm non Lý Nhơn	
		14 giờ 15	Trường Mầm non Doi lầu	
		15 giờ 30	Trường Mầm non Đồng Tranh	
THỨ TƯ 12/10/2023	8 giờ 30		Trường Mầm non Bình an	
	9 giờ 45		Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	
		14 giờ 15	Trường Mầm non Bình Khánh	
		15 giờ 30	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	
THỨ NĂM 13/10/2023	8 giờ 30		Trường Tiểu học Doi Lầu	
	9 giờ 45		Trường Tiểu học Thạnh An	
		14 giờ 15	Trường Tiểu học Cần Thạnh	
		15 giờ 30	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	
THỨ SÁU 14/10/2023	8 giờ 30		Trường Tiểu học Vàm Sát	
	9 giờ 45		Trường Tiểu học Lý Nhơn	
		14 giờ 15	Trường Tiểu học Đồng Hòa	
		15 giờ 30	Trường Tiểu học Long Thạnh	
THỨ HAI 17/10/2023	8 giờ 30		Trường T. học An Thới Đông	
	9 giờ 45		Trường T.học Tam Thôn Hiệp	
		14 giờ 15	Trường Tiểu học An Nghĩa	
		15 giờ 30	Trường chuyên biệt Cần thạnh	
THỨ BA	8 giờ 30		Trường Tiểu học Bình Thạnh	
	9 giờ 45		Trường Tiểu học Bình Phước	

18/10/2023		14 giờ 15	Trường Tiểu học Bình Khánh	
		15 giờ 30	Trường THCS Long hòa	
THỨ TƯ 19/10/2023	8 giờ 30		Trường Tiểu học Bình Mỹ	
	9 giờ 45		Trường THCS Doi lầu	
		14 giờ 15	Trường THCS Lý nhơn	
		15 giờ 30	Trường THCS Cần thạnh	
THỨ NĂM 20/10/2023	8 giờ 30		Trường THCS An Thới Đông	
	9 giờ 45		Trường THCS Tam thôn hiệp	
		14 giờ 15	Trường THCS Bình Khánh	
THỨ SÁU 21/10/2023	8 giờ 30		Trường THCS An Thới Đông	
	9 giờ 45		Trường THCS Tam thôn hiệp	
		14 giờ 15	Trường THCS Bình Khánh	